

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU CHI NSNN
NĂM 2026

Đơn vị tính : 1000đ

STT	Mục Tiểu mục	Nội Dung	Tổng số tiền
I		Tổng thu	
		Ngân sách nhà nước cấp	
		Thu phí, lệ phí	-
II		Tổng chi thường xuyên	4.412.680
		Chi thanh toán cho cá nhân	4.247.480
	6001	Tiền lương biên chế	2.142.223
	6051	Tiền công	226.670
	6100	Phụ Cấp Lương	1.118.800
	6101	Phụ cấp chức vụ	58.968
	6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	
	6112	Phụ cấp ưu đãi	749.764
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.808
	6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	307.260
	6124	Phụ cấp công vụ	
	6200	Tiền thưởng	229.700
	6250	Phúc lợi tập thể	
	6299	Chi khác (tiền nước uống)	
	6300	Các khoản đóng góp	530.087
	6301	Bảo hiểm xã hội (17,5%)	410.951
	6302	Bảo hiểm y tế (3%)	92.765
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	26.371
	6400	Các khoản thanh toán cá nhân	-
	6404	Chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc	-
		Tiểu nhóm 0130: Chi hàng hoá dịch vụ	165.200
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	86.400
	6501	Thanh toán tiền điện sinh hoạt 4.000.000 * 12 tháng	48.000
	6502	Thanh toán tiền nước sinh hoạt 3.000.000 * 12 tháng	36.000
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường: 200.000* 12 tháng	2.400
	6505	Thanh toán tiền khoán phương tiện theo chế độ	
	6549	Khác	
	6550	Vật tư văn phòng	15.000
	6551	Văn phòng phẩm	10.000
	6552	Mua sắm dụng cụ công cụ văn phòng	
	6553	Khoản văn phòng phẩm	
	6599	Vật tư văn phòng khác	5.000
	6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	-
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	

